

XÂY DỰNG THANG ĐIỂM TUYỂN CHỌN VẬN ĐỘNG VIÊN NĂNG KHIẾU MÔN BÓNG ĐÁ NAM LỨA TUỔI U11 TẠI TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ESTABLISHED SCORE SCALE FOR U11 ELITE MALE FOOTBALL PLAYER SELECTION AT THE DISTRICT 7 SPORTS CENTER, HO CHI MINH CITY

TÓM TẮT: Nghiên cứu này nhằm xây dựng thang điểm tuyển chọn vận động viên năng khiếu môn bóng đá nam lứa tuổi U11 tại Trung tâm Thể dục Thể thao Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó góp phần vào công tác tuyển chọn vận động viên của trung tâm được thuận lợi, hiệu quả chuẩn bị cho các giải bóng đá năng khiếu được tổ chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

TỪ KHOA: Thang điểm, vận động viên năng khiếu, Bóng đá.

ABSTRACT: This study aims to develop a selection scoring system for male U11 football talent at the Sports Center of District 7, Ho Chi Minh City. This contributes to facilitating and improving the effectiveness of the athlete selection process at the center, preparing for youth football tournaments held in Ho Chi Minh City.

KEYWORD: Score scale, Elite, Football.

LÊ HOÀNG ANH KHOA

Trung Tâm Văn Hóa - Thể Thao Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN THỊ THẨM

VÕ MINH HIẾU

Khoa Khoa học thể thao, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN QUỐC THẮNG

Trường Đại học Văn Lang

LE HOANG ANH KHOA

Cultural and Sports Center of District 7, Ho Chi Minh City

NGUYEN THI THAM

VO MINH HIEU

Faculty of Sport Science, Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City

NGUYEN QUOC THANG

Van Lang University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể dục thể thao là lĩnh vực hoạt động xã hội không thể thiếu trong bất cứ một nền văn

hóa nào của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Do đó, việc phát triển thể dục thể thao là yêu cầu khách quan của xã hội, nhằm góp phần nâng cao sức khỏe cũng như chất lượng cuộc sống của con người. Hiện nay, Quận 7 đang phát triển phong trào môn Bóng đá rất mạnh về số lượng, lẫn chất lượng. Số lượng các câu lạc bộ (CLB) tự phát ngày càng được nhân rộng. Sự phát triển bóng đá ở từng lứa tuổi luôn có một tiêu chuẩn đánh giá nhất định để phù hợp với từng độ tuổi với các chỉ số nhất định về hình thái, chức năng, tố chất thể lực và kỹ thuật đối với vận động viên. Hiện nay các công trình nghiên cứu về thang điểm đánh giá đầu vào về phát triển đội tuyển năng khiếu

của Quận 7, đặc biệt đối với nhóm vận động viên nam ở lứa tuổi U11 còn khá ít. Đồng thời, nhằm giúp Huấn luyện viên đội tuyển hiểu rõ hơn về các tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên (VĐV) năng khiếu của môn Bóng đá, tác giả mạnh dạn chọn hướng nghiên cứu này.

Phương pháp nghiên cứu: Để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sự phạm và phương pháp toán thống kê.

Khách thể nghiên cứu: Khách thể kiểm tra sự phạm lý trên 35 VĐV đang tập luyện Bóng đá thuộc lứa tuổi U11 tại địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.



2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Xây dựng thang điểm đánh giá thực trạng ban đầu cho vận động viên năng khiếu bóng đá nam lứa tuổi U11 tại Trung tâm Thể dục Thể thao Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Để xây dựng thang điểm đánh giá thực trạng cho VĐV năng khiếu bóng đá tại Trung tâm Thể dục Thể thao Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu tiến hành kết hợp tiêu chuẩn phân loại theo 7 mức và bảng quy đổi thang điểm theo giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Nội dung thống kê xếp loại thang điểm được trình bày tại bảng 1.

Nghiên cứu xác định có 14 test để tuyển chọn VĐV năng khiếu bóng đá tại Quận 7, với giá trị tối đa của mỗi test là 10 điểm, như vậy tổng điểm có thể đạt được tối đa là 140 điểm.

Tổng điểm chung của từng VĐV được tính theo công thức sau:

$$T = T1 + T2 + T3 + T4 + T5 + T6 + T7 + T8 + T9 + T10 + T11 + T12 + T13 + T14$$

Căn cứ vào kết quả bảng 2 cho thấy, tổng điểm ban đầu của các VĐV năng khiếu bóng đá tại Trung tâm Thể dục Thể thao Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều mức độ khác nhau: Không có học sinh xếp loại “Xuất sắc” và “Giỏi”, xếp loại “Khá” có 7 VĐV chiếm tỷ lệ 20%, xếp loại “Trung bình” có 20 học sinh chiếm tỷ lệ 57,1%, xếp loại “Yếu” chiếm tỷ lệ 22,9%, không có học sinh xếp loại kém và rất kém. Điều đó cho thấy trình độ ban đầu của VĐV năng

BẢNG 1: TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI 7 MỨC THEO THANG ĐIỂM

TT	XẾP LOẠI	KẾT QUẢ TEST	ĐIỂM TEST	TỔNG ĐIỂM
1	Xuất sắc	$\geq \bar{x} + 2\sigma_x$	≥ 9	≥ 126
2	Giỏi	$\bar{x} + \sigma_x$ đến cận $\bar{x} + 2\sigma_x$	7 đến cận 9	98 đến cận 126
3	Khá	$\bar{x} + 0.5\sigma_x$ đến cận $\bar{x} + \sigma_x$	6 đến cận 7	84 đến cận 98
4	Trung bình	$\bar{x} - 0.5\sigma_x$ đến cận $\bar{x} + 0.5\sigma_x$	4 đến cận 6	56 đến cận 84
5	Yếu	$\bar{x} - \sigma_x$ đến cận $\bar{x} - 0.5\sigma_x$	3 đến cận 4	42 đến cận 56
6	Kém	$\bar{x} - 2\sigma_x$ đến cận $\bar{x} - \sigma_x$	1 đến cận 3	14 đến cận 42
7	Rất kém	$\leq \bar{x}_1 - 2\sigma_x$	≤ 1	≤ 14

khiếu bóng đá Trung tâm TDTT Quận 7 là tương đối đồng đều, số VĐV xếp loại “Trung bình” chiếm tỷ lệ cao là 57.1%, VĐV có trình độ thể lực xếp loại “Khá” chiếm tỷ lệ là 20%.

2.2. Kết quả phân loại tổng điểm của các vận động viên năng khiếu bóng đá tại Trung tâm Thể dục Thể thao Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh sau sáu tháng tập luyện

Từ kết quả bảng 3 và bảng 4 cho thấy, tổng điểm sau 6 tháng tập luyện của VĐV tại Trung tâm Thể dục Thể thao Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều mức độ khác nhau: xếp loại “Giỏi” có 5 VĐV chiếm tỷ lệ 14.3 %, xếp loại “Khá” có 10 VĐV chiếm tỷ lệ 28.6 %, xếp loại “Trung bình” có 15 VĐV chiếm tỷ lệ 42.8 %, xếp loại “Yếu” có 5 VĐV chiếm tỷ lệ 14.3 %, không có VĐV xếp loại kém. Điều đó cho thấy các chỉ số hình thái, chức năng, trình độ thể lực và kỹ thuật của VĐV bóng đá năng khiếu Trung tâm TDTT Quận 7 là tương đối đồng đều nhau và có tiến triển. Tuy số VĐV có thể lực xếp loại “Trung bình” cao chiếm tỷ lệ khá cao 42,8%, nhưng đã có VĐV đạt xếp loại “Giỏi” có tổng tỷ lệ là 14.3 % và số VĐV có xếp

loại “Yếu” có tỉ lệ là 14.3%.

Như vậy, những VĐV xếp loại “Giỏi” là VĐV có tố chất tốt, tích cực tập luyện, nếu có sự đầu tư tốt về các mặt thời gian, sự chịu khó, cần cù thì thành tích sẽ được cải thiện tốt trong tương lai. Những VĐV xếp loại “Khá” có thiên hướng phát triển, từ đó cần có sự quan tâm hơn nhằm phát triển thành tích, phát triển tài năng thể thao. Còn lại những VĐV xếp loại “Trung bình” và “Yếu” chưa có các tố chất phù hợp với môn bóng đá 5 người. Điều đó chứng tỏ yếu tố hình thái, chức năng, thể lực chuyên môn có mối quan hệ chặt chẽ trong tuyển chọn các em học sinh cho đội bóng sân 5 người.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xây dựng được thang điểm tuyển chọn vận động viên năng khiếu bóng đá nam lứa tuổi U11 tại Trung tâm Thể dục Thể thao Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, với các tiêu chí đánh giá toàn diện về hình thái, chức năng, thể lực và kỹ thuật. Thang điểm này không chỉ hỗ trợ công tác tuyển chọn mà còn làm cơ sở điều chỉnh phương pháp huấn luyện. Để phát huy hiệu quả, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn

BẢNG 2: PHÂN LOẠI TỔNG ĐIỂM BAN ĐẦU CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN NĂNG KHIẾU

STT	HỌ TÊN	TEST														TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14		
1	Nguyễn Hữu X	4	6	7	7	6	5	7	5	7	2	6	8	4	5	79	Trung bình
2	Lê Hoàng X	5	8	6	7	6	6	7	9	7	4	6	8	5	6	90	Khá
3	Nguyễn Quốc X	10	6	6	5	6	5	7	5	8	3	7	7	8	9	92	Khá
4	Nguyễn Phạm Đức X	5	3	2	9	6	5	8	5	8	5	8	8	4	5	81	Trung bình
5	Lê Hải X	8	4	1	4	3	4	5	1	4	3	5	8	7	6	71	Trung bình
6	Lê Minh X	5	3	5	2	3	5	2	3	5	2	5	6	4	3	53	Yếu
7	Phùng Minh X	2	6	4	5	4	5	5	5	3	2	4	7	7	5	72	Trung bình
8	Nguyễn Thạch Minh X	6	6	3	7	6	1	7	7	6	4	5	7	4	5	74	Trung bình
9	Trần Tuấn X	5	6	4	6	4	5	6	1	3	3	4	7	6	5	71	Trung bình
10	Lê Bình X	1	8	6	7	8	6	8	7	9	4	7	8	8	5	92	Khá
11	Nguyễn Như Thanh X	2	8	8	8	6	3	7	6	8	4	6	8	7	5	86	Trung bình
12	Đặng Quang X	8	2	2	3	3	6	5	3	5	3	2	6	3	4	55	Yếu
13	Nguyễn Minh X	4	6	8	6	6	5	7	5	8	3	7	7	6	4	81	Trung bình
14	Mai Việt X	5	6	1	6	3	6	4	3	4	3	2	7	5	7	70	Trung bình
15	Đặng Gia X	5	3	2	2	6	1	6	5	5	3	1	6	3	5	53	Yếu
16	Nguyễn Đăng X	4	6	6	6	8	5	1	5	7	3	5	7	6	4	73	Trung bình
17	Nguyễn Hữu X	4	6	3	7	4	4	4	6	6	3	3	8	8	7	73	Trung bình
18	Phạm Hải X	5	6	7	5	2	6	2	4	5	3	3	7	7	6	72	Trung bình
19	Nguyễn Trần An X	4	7	6	8	7	4	8	7	7	4	7	7	6	7	90	Khá
20	Nguyễn Trần Khải X	4	6	3	4	3	5	5	7	4	3	3	7	6	7	70	Trung bình
21	Nguyễn Trần Thành X	4	8	8	6	7	5	8	9	8	4	9	8	5	7	96	Khá
22	Trịnh Minh X	3	8	7	7	6	6	7	5	7	3	6	8	6	5	84	Trung bình
23	Nhiều Nhật X	3	6	3	6	3	4	6	6	3	3	5	8	6	4	71	Trung bình
24	Hà Minh X	2	6	4	4	4	1	6	3	4	2	2	6	4	5	53	Yếu
25	Nhiều Nhật X	2	8	6	5	2	1	2	3	4	3	5	7	3	4	55	Yếu
26	Nguyễn Minh X	4	7	6	10	8	6	8	5	8	4	8	8	7	8	97	Khá
27	Đào Tâm Minh X	1	6	4	2	4	5	3	3	4	3	2	7	4	5	53	Yếu
28	Đặng Ngọc X	5	6	5	4	1	5	6	3	4	3	4	8	9	8	71	Trung bình
29	Đặng Ngọc X	10	4	2	8	5	6	6	7	8	4	6	8	6	8	90	Khá
30	Nguyễn Thạch Minh X	6	6	5	4	3	7	3	5	4	2	4	8	6	5	68	Trung bình
31	Huỳnh Tấn X	4	1	2	8	7	5	8	5	8	5	7	7	6	8	81	Trung bình
32	Phạm Vương Minh X	3	6	5	5	4	6	6	3	3	2	3	7	4	7	64	Trung bình
33	Huỳnh Phương X	4	4	1	6	1	5	2	5	3	3	2	8	5	6	55	Yếu
34	Lâm Mạnh X	4	8	6	2	3	3	5	3	3	3	3	7	6	8	71	Trung bình
35	Huỳnh Lương X	7	3	6	3	3	3	5	1	3	2	2	7	6	7	58	Yếu

Ghi chú: T1: Chiều cao đứng (cm), T2: Cân nặng (kg), T3: BMI, T4: Công năng tim, T5: VO_{2max} gián tiếp (ml/kg/phút), T6: Chạy 30m tốc độ cao (giây), T7: Bật xa tại chỗ (m), T8: Chạy 800m (giây), T9: Chạy luân cọc 20m (giây), T10: T11: Dẫn bóng luân cọc 30m, sút cầu môn (giây), T12: Chuyển bóng chuẩn từ cự ly 20m (m), T13: Đá bóng xa với hành lang 5m (m) và T14: Sút bóng chính diện vào cầu môn từ cự ly 10m (lần).

**BẢNG 3: BẢNG ĐIỂM TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN NĂNG KHIẾU SAU SÁU THÁNG TẬP LUYỆN**

TEST	ĐIỂM									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chiều cao	135.83-137.44	137.45-139.06	139.07-140.68	140.69-142.30	142.31-143.92	143.93-145.54	145.55-147.16	147.17-148.78	148.79-149.9	150
Cân nặng	35.84-36.64	36.65-37.44	37.45-38.25	38.26-39.05	39.06-39.86	39.87-40.66	40.67-41.47	41.48-42.27	42.28-43.08	43.09
Chỉ số BMI	16.59-17.16	17.17-17.73	17.74-18.31	18.32-18.88	18.89-19.46	19.47-20.03	20.04-20.61	20.62-21.18	21.19-21.76	21.77
Công năng tim	9.61-9.32	9.33-9.04	9.05-8.76	8.77-8.48	8.49-8.20	8.21-7.92	7.93-7.64	7.65-7.36	7.37-7.08	7.09
VO _{2max} gián tiếp (ml/kg/phút)	37.58-38.20	38.21-38.73	38.74-39.26	39.27-39.79	39.80-40.32	40.33-40.85	40.86-41.38	41.39-41.91	41.92-42.44	42.45
Chạy 30m tốc độ cao (giây)	6.43-6.35	6.36-6.28	6.29-6.21	6.22-6.14	6.15-6.07	6.08-6.00	6.01-5.93	5.94-5.86	5.87-5.79	5.80
Bật xa tại chỗ (m)	174.47-177.10	177.11-179.74	179.75-182.38	182.39-185.02	185.03-187.66	187.67-190.30	190.31-192.94	192.95-195.58	195.59-198.22	198.23
Chạy 5 phút tùy sức (m)	872.90-877.16	877.17-881.42	881.43-885.6	885.7-889.95	889.96-894.22	894.23-898.48	898.49-902.75	902.76-907.01	907.02-911.28	911.29
Chạy luôn cọc 20m (giây)	7.45-7.29	7.30-7.13	7.14-6.98	6.99-6.82	6.83-6.67	6.68-6.51	6.52-6.36	6.37-6.20	6.21-6.05	6.06
Tâng bóng bằng 2 chân (lần)	7-10	11-14	15-18	19-22	23-26	27-30	31-34	35-38	39-42	43
Dẫn bóng luôn cọc 30m sút cầu môn (lần)	12.59-12.24	12.25-11.90	11.91-11.56	11.57-11.22	11.23-10.88	10.89-10.54	10.55-10.20	10.21-9.86	9.87-9.52	9.53
Chuyền bóng chuẩn từ cự ly 20m (lần)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đá bóng xa với hành lang 5m (m)	14.32-16.00	16.01-17.68	17.69-19.37	19.38-21.05	21.06-22.74	22.75-24.42	24.43-26.11	26.12-27.79	27.80-29.48	29.49
Sút bóng chính diện vào cầu môn từ cự ly 10m (lần)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

thiện tiêu chí, đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực huấn luyện viên, góp phần phát

triển phong trào bóng đá trẻ tại Quận 7 và Thành phố Hồ Chí Minh. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 05/09/2024; ngày phản biện đánh giá: 17/09/2024; ngày chấp nhận đăng: 09/10/2024).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hà Viết Dũng (2016), *Nghiên cứu sự phát triển hình thái, thể lực chuyên môn và kỹ thuật cơ bản của đội tuyển bóng đá nam 5 người*, Trường Tiểu học Ngô Quyền, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh sau sáu tháng tập luyện, Luận văn thạc sĩ giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bùi Quang Hải (2009), *Giáo trình tuyển chọn tài năng thể thao*, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, Hà Nội.
- Lê Nguyệt Nga (2013), *Một số cơ sở y sinh học của tuyển chọn và huấn luyện vận động viên*, sách chuyên khảo của Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- Phạm Đông Phúc (2020), *Xây dựng nội dung và tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên futsal nam năng khiếu U10 Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đỗ Vinh, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Thanh Đê (2016), *Giáo trình lý thuyết phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

(Corresponding author: Vo Minh Hieu (vominhhieuv@tdtu.edu.vn), Faculty of Sport Science, Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam.)

BẢNG 4: PHÂN LOẠI TỔNG ĐIỂM CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN SAU SÁU THÁNG TẬP LUYỆN

STT	HỌ TÊN	TEST														TỔNG ĐIỂM	XẾP LOẠI
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14		
1	Nguyễn Hữu X	3	7	6	5	4	9	9	5	9	4	8	9	6	4	88	Khá
2	Lê Hoàng X	6	9	8	8	6	8	8	10	10	5	10	8	8	9	96	Giỏi
3	Nguyễn Quốc X	8	6	6	2	8	7	8	9	10	5	10	8	4	5	96	Khá
4	Nguyễn Phạm Đức X	4	5	3	7	5	7	8	10	10	6	10	9	7	7	98	Khá
5	Lê Hải X	8	5	5	4	5	5	6	5	9	3	5	8	5	8	81	Trung bình
6	Lê Minh X	6	3	3	2	3	2	3	4	5	4	7	7	3	2	54	Yếu
7	Phùng Minh X	3	6	5	6	4	7	7	5	7	3	8	8	7	7	83	Trung bình
8	Nguyễn Thạch Minh X	6	6	4	6	5	4	5	6	7	6	8	9	6	6	84	Trung bình
9	Trần Tuấn X	5	6	6	7	6	9	8	3	8	4	8	8	7	6	91	Khá
10	Lê Bình X	2	8	6	8	10	8	8	10	10	5	10	10	8	7	110	Giỏi
11	Nguyễn Như Thanh X	2	9	7	10	8	6	8	7	9	6	8	7	5	5	97	Khá
12	Đặng Quang X	6	4	2	4	3	4	3	3	5	3	5	7	4	3	56	Yếu
13	Nguyễn Minh X	4	7	7	8	8	7	7	6	8	6	10	9	7	4	98	Khá
14	Mai Việt X	4	6	4	7	3	8	5	5	6	4	4	8	8	6	78	Trung bình
15	Đặng Gia X	3	4	3	2	4	1	4	4	7	4	5	8	3	3	55	Yếu
16	Nguyễn Đăng X	4	7	4	7	6	7	7	4	6	4	7	5	7	8	83	Trung bình
17	Nguyễn Hữu X	5	6	4	7	5	6	3	5	9	3	5	8	6	7	79	Trung bình
18	Phạm Hải X	5	5	6	5	3	8	4	7	6	3	8	7	7	6	80	Trung bình
19	Nguyễn Trần An X	5	7	6	9	8	7	8	8	10	5	9	9	9	8	91	Giỏi
20	Nguyễn Trần Khải X	3	6	4	6	5	7	6	6	8	3	9	8	5	8	71	Trung bình
21	Nguyễn Trần Thành X	4	8	6	8	9	8	8	10	10	7	10	9	6	8	111	Giỏi
22	Trịnh Minh X	4	8	6	9	7	8	7	7	7	5	10	9	5	5	97	Khá
23	Nhiều Nhật X	2	6	4	9	5	9	8	6	8	3	10	8	7	7	92	Khá
24	Hà Minh X	2	6	2	4	3	1	6	4	6	4	4	7	3	2	54	Yếu
25	Nhiều Nhật X	2	8	5	5	3	1	2	7	8	4	7	9	6	8	75	Trung bình
26	Nguyễn Minh X	4	7	6	10	9	8	9	9	8	7	8	9	5	6	105	Giỏi
27	Đào Tâm Minh X	1	6	2	3	5	2	3	4	7	4	5	7	3	3	55	Yếu
28	Đặng Ngọc X	7	6	5	4	2	6	6	6	6	3	7	8	5	6	77	Trung bình
29	Đặng Ngọc X	9	4	3	7	7	9	7	8	7	5	10	8	6	6	96	Khá
30	Nguyễn Thạch Minh X	6	7	6	5	5	8	4	5	7	4	9	7	6	5	84	Trung bình
31	Huỳnh Tấn X	5	4	2	9	9	7	7	9	10	6	10	9	5	6	98	Khá
32	Phạm Vương Minh X	3	7	7	5	5	7	6	6	8	4	6	9	4	6	83	Trung bình
33	Huỳnh Phương X	4	5	5	6	3	7	3	5	8	3	8	8	6	7	78	Trung bình
34	Lâm Mạnh X	5	8	6	3	4	5	5	5	6	4	6	8	6	7	78	Trung bình
35	Huỳnh Lương X	8	4	6	3	5	4	6	5	8	4	6	8	6	7	80	Trung bình

Ghi chú: Ghi chú: T1: Chiều cao đứng (cm), T2: Cân nặng (kg), T3: BMI, T4: Công năng tim, T5: VO_{2max} gián tiếp (ml/kg/phút), T6: Chạy 30m tốc độ cao (giây), T7: Bật xa tại chỗ (m), T8: Chạy 800m (giây), T9: Chạy luôn cọc 20m (giây), T10: T11: Dẫn bóng luôn cọc 30m, sút cầu môn (giây), T12: Chuyển bóng chuẩn từ cự ly 20m (m), T13: Đá bóng xa với hành lang 5m (m) và T14: Sút bóng chính diện vào cầu môn từ cự ly 10m (lần).